

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10- 8 – 2022

V/v: Ly hôn, giao con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Ngọc Linh

Ông Nguyễn Đình Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, giao con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thanh T, sinh năm 1988; (yêu cầu vắng mặt).

Trú tại: Tổ 03, khu phố Phú Hòa 1, phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Lê Phạm B, sinh năm 1981; (Vắng mặt).

Trú tại: Tổ 02, ấp 02, xã Tân Quan, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2022, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh T trình bày:

Chị T và anh Lê Phạm B sau thời gian tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Tân Quan, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới; sau khi kết

hôn chị T và anh B sinh sống tại ấp 02, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước một thời gian sau đó chuyển về sinh sống tại phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh B cũng thường xuyên nhậu nhẹt nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến ai, hiện tại anh B đã về sinh sống tại ấp 02, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên chị Ngô Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Phạm B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung Lê Phạm Đức Trí, sinh năm: 2011, nay ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung vì từ khi vợ chồng sống ly thân con chung do chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T chưa yêu cầu nên Tòa án chưa xem xét, giải quyết

Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

Sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án ly hôn của chị T, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh B nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng anh B không hợp tác, không đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ việc, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Phạm B, cư trú tại tổ 02, ấp 02, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B nhưng anh B không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh B cũng vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B theo quy định.

Chị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thanh T thấy rằng:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 9 và điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, do vợ chồng bất đồng quan điểm, ngoài ra anh B thường xuyên ăn nhậu nên dẫn đến vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đến năm 2021 chị T và anh B sống ly thân, không ai quan tâm ai nữa; theo biên bản xác minh được Bn áp xác nhận vợ chồng Bn áp hiện tại anh B và chị T sống ly thân. Điều này cho thấy tình cảm giữa hai vợ chồng chị T và anh B thực sự đã mâu thuẫn trầm trọng; hơn nữa, Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần đến tòa án để hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh B không lên toà để làm việc và tại phiên tòa hôm nay anh B cũng vắng mặt không có lý do, thể hiện anh B không còn quan tâm gì đến tình cảm giữa anh và chị T nên chị T yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ. nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh B có 00 người con chung Lê Phạm Đức Trí, sinh năm: 2011. Nay ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, quá trình chị T và anh B sống ly thân, các con chung do chị T nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập anh B lên làm việc tuy nhiên anh B không đến Tòa để làm việc nên không biết được ý kiến của anh B. Quá trình tòa án thụ lý vụ án tòa án đã triệu tập theo nguyện vọng của các con chưa thành niên thì có nguyện vọng các con muốn được ở với mẹ, để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T chưa yêu cầu nên chưa xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có

[6] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[8] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thanh T được ly hôn với anh Lê Phạm B (Theo giấy chứng nhận kết hôn 30, quyển số 01/2011 ngày 22/6/2011 của Ủy Bn nhân dân xã Tân Quan, huyện Hớn, Quản, tỉnh Bình Phước).

2. Về con chung: Giao con chung Lê Phạm Đức Trí, sinh ngày: 08/11/2011 cho chị Ngô Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Ngô Thị Thanh T chưa yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về tài sản chung : Nguyên đơn khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Ngô Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0013817 ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Quan;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Thanh